Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7108.20.00

Mã HS	7108.20.00
Mô tả hàng hóa	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột / - Dạng tiền tệ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 05:13:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/71082000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10698
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10698
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10698
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10698
Thuế XK ưu đãi CPTPP	2	2%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10698
Thuế XK ưu đãi EVFTA	2	2%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10698
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	2	2%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10698

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10150
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10101
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10101
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10101
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10101
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10101
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10101
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10153
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10153

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10153
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10153
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10153
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10153
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10154
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10154
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10154
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10154
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10154
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10154
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10155
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10107
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10113
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10113
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10113
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10113
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10113
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10113
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10138
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10138
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10138
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10138
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10138
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10138
VCFTA	2022	2022	1	VC!D10191
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10191

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10191
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10191
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10191
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10191
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10176
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10176
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10176
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10176
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10176
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10176
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D932
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E932
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10176
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10176
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10176
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10176
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10176
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10176
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10193
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10193
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10193
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10193
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10193
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10193
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10192
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10192

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10192
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10192
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10192
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10192
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10133
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10133
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10133
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10133
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10133
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10133
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10133
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10170
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10170
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10170
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10170
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10170
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10170
RCEP B	2022	2022	0	B!D10170
RCEP B	2023	2023	0	B!E10170
RCEP B	2024	2024	0	B!F10170
RCEP B	2025	2025	0	B!G10170
RCEP B	2026	2026	0	B!H10170
RCEP B	2027	2027	0	B!I10170
RCEP C	2022	2022	0	C!D10170
RCEP C	2023	2023	0	C!E10170
RCEP C	2024	2024	0	C!F10170

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2025	2025	0	C!G10170
RCEP C	2026	2026	0	C!H10170
RCEP C	2027	2027	0	C!I10170
RCEP D	2022	2022	0	D!D10169
RCEP D	2023	2023	0	D!E10169
RCEP D	2024	2024	0	D!F10169
RCEP D	2025	2025	0	D!G10169
RCEP D	2026	2026	0	D!H10169
RCEP D	2027	2027	0	D!I10169
RCEP E	2022	2022	0	E!D10173
RCEP E	2023	2023	0	E!E10173
RCEP E	2024	2024	0	E!F10173
RCEP E	2025	2025	0	E!G10173
RCEP E	2026	2026	0	E!H10173
RCEP E	2027	2027	0	E!I10173
RCEP F	2022	2022	0	F!D10170
RCEP F	2023	2023	0	F!E10170
RCEP F	2024	2024	0	F!F10170
RCEP F	2025	2025	0	F!G10170
RCEP F	2026	2026	0	F!H10170
RCEP F	2027	2027	0	F!I10170
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9404
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9404
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9404
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9404

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Kim loại quý và dịch vụ sản xuất kim loại quý > Kim loại quý. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7108.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7108.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10698), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.